

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI
34 Nguyễn Thị Nghĩa, P. Bến thành, Q1, Tp. HCM
Tel: 08 39250 222 Fax: 08. 3925 0555
Website: www.trasas.com.vn Email: info@trasas.com.vn

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304184415 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh
cấp lần đầu ngày 24/01/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 30/01/2015)*



Bản Thông tin tóm tắt này sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

34 Nguyễn Thị Nghĩa, P. Bến thành, Q1, Tp. HCM

Tel: 08 39250 222 Fax: 08 3925 0555 Website: www.trasas.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

Tầng 1-2-3-4, Tòa nhà Viet Dragon 141 Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM

Tel: 08 6299 2006 Fax: 08 6291 7986 Website: www.vdsc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông Đỗ Văn Mười - Giám đốc Tài chính

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, P. Bến thành, Q1, Tp. HCM

Tel: 08 39250222

Fax: 08. 3925 0555

Website: www.trasas.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC KHÁI NIỆM	3
II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	4
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	4
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	7
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	7
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:.....	9
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng	10
6. Hoạt động kinh doanh.....	10
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013 và 2014	16
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	18
9. Chính sách đối với người lao động	21
10. Chính sách cổ tức.....	22
11. Tình hình tài chính	23
12. Tài sản.....	26
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	26
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện được của công ty đại chúng	28
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	28
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty	28
III. QUẢN TRỊ CÔNG TY	28
1. Hội đồng quản trị	28
2. Ban kiểm soát	31
3. Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý	31
4. Kế hoạch tăng cường và quản trị công ty	34
IV. PHỤ LỤC	35

I. CÁC KHÁI NIỆM

TỪ NGỮ, KHÁI NIỆM	DIỄN GIẢI
Bản Thông tin tóm tắt	Bản Thông tin tóm tắt của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính
Công ty, Tra-sas, Tổ chức đăng ký giao dịch	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
TTCK	Thị trường Chứng khoán
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
BCTC	Báo cáo tài chính
CTCP	Công ty cổ phần

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1. Giới thiệu về Công ty**

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI
Tên tiếng Anh:	TRACIMEXCO - SUPPLY CHAINS AND AGENCY SERVICES J.S COMPANY
Tên viết tắt:	TRA-SAS
Logo:	
Trụ sở chính:	34 Nguyễn Thị Nghĩa, P. Bến thành, Q1, Tp. HCM
Số điện thoại:	(08) 39250 222
Số fax:	(08) 3925 0555
Email:	info@trasas.com.vn
Website:	http://www.trasas.com.vn
Vốn điều lệ đăng ký:	22.129.760.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp:	22.129.760.000 đồng
Ngày trở thành công ty đại chúng	08/06/2015
Giấy CN ĐKKD:	Số0304184415 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 24/01/2006; đăng ký thay đổi lần thứ16 ngày 30/01/2015.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Giấy CN ĐKKD:

- + Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- + Đại lý vận tải đường biển; Đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa;
- + Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- + Dịch vụ khai thuê hải quan;

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Năm 1996 ✓ Ngày 26/01/ 1996, Xí Nghiệp Vận tải Biển và Dịch vụ Hàng hải được thành lập trên cơ sở tách nguyên trạng Xí Nghiệp Vận tải VIETRANSCIMEX, trực thuộc Tổng công ty VIETRANSCIMEX –Bộ Giao Thông Vận tải.
- ✓ Trụ sở chính đặt tại: 34 Nguyễn thị Nghĩa, Quận 1, TPHCM, Việt Nam

- Năm 2006
 - ✓ Ngày 15/01/2006: Chuyển đổi Xí Nghiệp Vận tải Biển và Dịch vụ Hàng hải sang Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải. Sự kiện này là cột mốc quan trọng, đánh dấu bước ngoặt mới trong phương hướng phát triển của công ty.
 - ✓ Vốn điều lệ đăng ký là 4,6 tỷ đồng.
 - ✓ Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Ông Nguyễn Văn Quý.
 - ✓ Cổ đông chính gồm: Ông Nguyễn Văn Quý, Ông Trần Việt Huy và Ông Đỗ Văn Mười.
- Năm 2011
 - ✓ Lần đầu tiên lợi nhuận trước thuế vượt 1 triệu USD.
 - ✓ Đưa vào vận hành Trung tâm Phân phối và Dịch vụ kho bãi thứ 2 tại Hà Nội.
- Năm 2012
 - ✓ Tăng Vốn Điều lệ lên 14.753.170.000 đồng.
 - ✓ Khánh thành trụ sở mới tại 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TPHCM
- Năm 2013
 - ✓ Thành viên chính thức của Hiệp hội giao nhận Việt Nam (VLA)
 - ✓ Nhận chứng nhận chất lượng” International Quality Crown Award- Gold Category”- cấp bởi Business Initiative Directions (London).
 - ✓ Đưa vào vận hành Trung tâm Phân phối và Dịch vụ Kho bãi thứ 3 tại Tỉnh Bình Dương.
- Năm 2014
 - ✓ Tăng Vốn Điều lệ lên 22.129.760.000đồng.

Trải qua gần 20 năm hình thành và phát triển, Công ty đã không ngừng lớn mạnh và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực: đại lý thông quan, giao nhận vận tải, hoạt động xuất nhập khẩu thương mại và ủy thác, và đạt được những thành quả đáng khích lệ.



1.3. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Trong quá trình hoạt động, Tra-sas đã thực hiện quá trình tăng vốn như sau:

Thời điểm	VĐL tăng thêm (ngàn đồng)	VĐL sau phát hành (ngàn đồng)	Phương thức phát hành	Cơ sở pháp lý
01/2006	VĐL tại thời điểm cổ phần hoá 4.639.000.000 đồng		Chuyển đổi từ Xí nghiệp Vận tải biển và Dịch vụ hàng hải thành CTCP Vận tải và Dịch vụ Hàng hải.	
10/2007	4.639.000	5.334.580	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 15%	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định của ĐHĐCĐ số 68/QĐ-HĐQT ngày 05/11/2007; - Giấy CN ĐKKD thay đổi lần 1, ngày 19/11/2007
06/2009	5.334.580	6.124.580	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 15%	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định của ĐHĐCĐ số 130/QĐ-HĐQT ngày 9/6/2009; - Giấy CN ĐKKD đăng ký lần 6, ngày 05/03/2010
04/2011	6.124.580	7.316.320	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20%	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định của ĐHĐCĐ số 209/QĐ-HĐQT ngày 8/04/2011; - Giấy CN ĐKKD đăng ký lần 9, ngày 25/05/2011
10/2011	7.316.320	8.743.340	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20%	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định ĐHĐCĐ số 221/QĐ-HĐQT ngày 18/10/2011; - Giấy CN ĐKKD đăng ký lần 12, ngày 03/11/2011
07/2012	8.743.340	14.753.170	Phát hành thêm 600.983 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định ĐHĐCĐ số 257/QĐ-HĐQT ngày 16/07/2012; - Giấy CN ĐKKD đăng ký lần 14, ngày 24/07/2012
04/2014	14.753.170	22.129.760	Phát hành thêm 737.659 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định ĐHĐCĐ số 324/QĐ-HĐCĐ ngày 01/04/2014; - Giấy CN ĐKKD đăng ký lần 15, ngày 10/06/2014

Nguồn: Tra-sas

1.4. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịchĐKGD

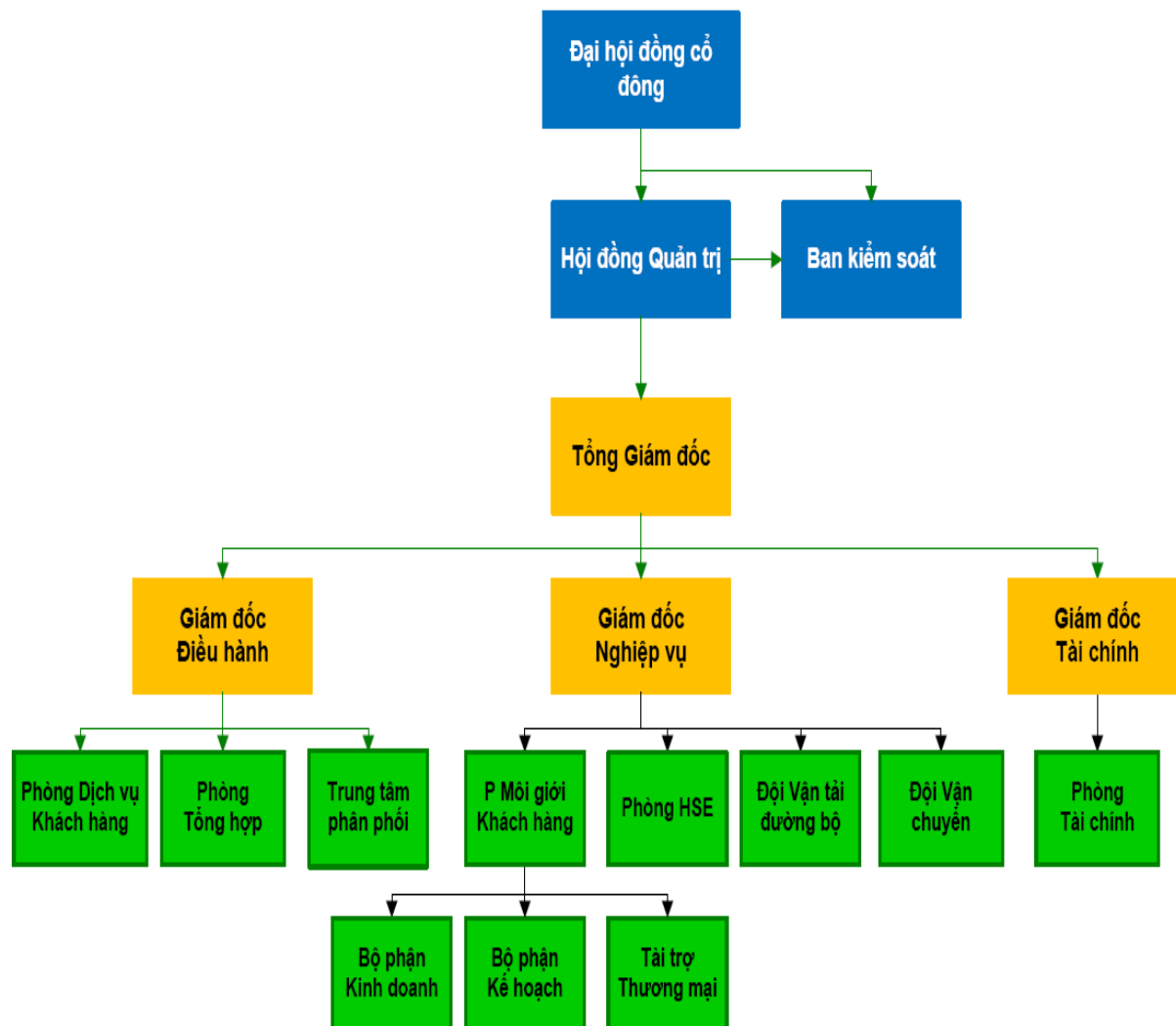
- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá chứng khoán: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
- Mã chứng khoán: TRS
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 2.212.976 cổ phiếu
- Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 22.129.760.000đồng
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định: 0 cổ phiếu.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Stt	Đơn vị	Thông tin
1	Văn phòng Công ty	34 Nguyễn Thị Nghĩa, P. Bến Thành, Q.1, Tp.HCM Điện thoại: (84-8) 39250143Fax: (84-8) 39250986 Website: www.trasas.com.vn
2	Trung Tâm Sân bay Tân Sơn Nhất (TFS)	35 Hậu Giang, Q. Tân Bình, Tp.HCM Điện thoại: (84-8) 39487546 Fax: (84-8) 38115752
3	Chi Nhánh Công ty Tại Bình Dương	243 Quốc lộ Trường Sơn, Thuận An, Bình Dương Điện thoại: (+84 8) 62830208 Fax: (+84 8) 62830261
4	Trung tâm Dịch vụ Kho vận	6/4, Ấp Đồng An, Xã Bình Hòa, Huyện Thuận An
5	Văn Phòng Hà Nội	Số 241 Bùi Xuân Trạch,P.Khương Trung,Quận Thanh Xuân, Hà Nội Điện thoại: (+84 4) 35501253 Fax: (+84 4) 35501253
6	Văn Phòng Hải Phòng	Tầng 6, tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, Hải Phòng Điện thoại: (+84 31) 3569284 Fax: (+84 31) 3569286

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty



Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần với chi tiết như sau:

3.1 Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty. ĐHĐCĐ có trách nhiệm bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các chức vụ khác theo quy định của Điều lệ.

3.2 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ là 05 năm và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty ngoại trừ phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ là 05 năm do ĐHĐCĐ bầu ra.

3.4 Ban điều hành

✚ Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty.

✚ Các Giám đốc nghiệp vụ

Gồm Giám đốc điều hành, Giám đốc nghiệp vụ và Giám đốc tài chính. Chịu trách nhiệm điều hành trực tiếp và triển khai các chiến lược theo chức năng quản lý, hỗ trợ đắc lực cho Tổng Giám đốc đồng thời chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, vì lợi ích của Công ty và cổ đông.

3.5 Các phòng chuyên môn nghiệp vụ

Các phòng chuyên môn nghiệp vụ chịu sự quản lý trực tiếp của các Giám đốc nghiệp vụ, thực hiện các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:

4.1. Danh sách và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông sáng lập

Tính đến ngày 24/01/2009, việc hạn chế chuyển nhượng đối với các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Trasa tại ngày 18/5/2015 như sau:

Stt	Tên tổ chức	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ
1	Công ty CP XNK và Hợp tác đầu tư GTVT (TRACIMEXCO)	36 Bạch Đằng, P.2, Q.Tân Bình, Tp.HCM	408.398	18,45%
2	Nguyễn Văn Quý	2/27a Thăng Long, P.4, Q. Tân Bình, Tp.HCM	403.684	18,24%
3	Trần Việt Huy	590/D6 Cách Mạng Tháng Tám, P.11, Q.03, TP.HCM	404.191	18,26%
4	Đỗ Văn Mười	24/7 Phùng Văn Cung, P.7, Q, Phú Nhuận, TP. HCM	402.763	18,20%
@	Tổng cộng		1.619.036	73,16%

Nguồn: CTCP Vận tải và Dịch vụ hàng hải

4.3. Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 18/5/2015

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	106	2.212.976	100%
	- Tổ chức	01	408.398	18,45%
	- Cá nhân	105	1.804.578	81,55%
2	Cổ đông nước ngoài	0	-	-
	- Tổ chức	-	-	-
	- Cá nhân	-	-	-
	Tổng cộng	106	2.212.976	100%

Nguồn: CTCP Vận tải và Dịch vụ hàng hải

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của công ty đại chúng, những Công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng

5.1 Danh sách Công ty mẹ của CTCP Vận tải và Dịch vụ Hàng hải

Không có

5.2 Danh sách Công ty con của CTCP Vận tải và Dịch vụ Hàng hải

Không có

5.3 Danh sách Công ty liên doanh liên kết của CTCP Vận tải và Dịch vụ Hàng hải

Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm, dịch vụ của Công ty

Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải hoạt động trong lĩnh vực hàng hải, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và phân phối hàng tiêu dùng, được biết đến như một đối tác quan trọng về giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, dịch vụ kho bãi và vận tải nội địa với hầu hết các khu công nghiệp, khu chế xuất tại thị trường Việt Nam hiện nay. Ngoài ra, Công ty còn là đối tác phân phối hàng tiêu dùng cho các thương hiệu nổi tiếng như Coca-Cola Việt Nam, MC Donal Việt Nam, Starbucks Việt Nam đồng thời là đối tác cung cấp cho hệ thống siêu thị và bán lẻ trong cả nước, tiêu biểu như Coop Mart.

6.1.1. Hoạt động Đại lý thông quan

Tra-sas là một đại lý thông quan được cấp phép (*được phép thay mặt chủ hàng ký tên và đóng dấu trên tờ khai Xuất nhập khẩu*). Với những chuyên viên môi giới hải quan giàu kinh nghiệm, Công ty đã và đang cung cấp những giải pháp cho việc thông quan hàng hóa với hệ thống truyền dữ liệu hiện đại, các phần mềm khai thuế hải quan chuyên dụng.

Các dịch vụ trong hoạt động Đại lý thông quan của Tra-sas:

- Tư vấn, cung cấp biểu thuế, quy trình và các quy định liên quan đến Xuất Nhập khẩu.
- Dịch vụ khai thuế hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Tư vấn thủ tục và thực hiện dịch vụ miễn thuế, hoàn thuế xuất nhập khẩu. Tư vấn, hỗ trợ thủ tục cấp chứng từ hồ sơ liên quan đến việc xin C/O form D, chứng nhận Bộ Y tế.
- Hỗ trợ thủ tục và chứng từ liên quan đến nghiệp vụ xuất nhập khẩu như : công bố hợp chuẩn, khử trùng, các dịch vụ giám định và giám sát hàng hóa.

6.1.2. Hoạt động vận tải quốc tế

Tra-sas chuyên về vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển, vận chuyển bằng đường hàng không và vận chuyển đường bộ, vận chuyển các hàng hóa siêu trường siêu trọng đồng thời cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức.

Ngoài ra, Tra-sas cũng chú trọng phát triển hệ thống phân phối hàng tiêu dùng. Công ty hiện đang là đối tác phân phối hàng tiêu dùng cho các thương hiệu nổi tiếng, cung cấp cho hệ thống siêu thị và hệ thống bán lẻ tại thị trường Việt Nam.



Một số khách hàng tiêu biểu của Công ty:





6.1.3. Dịch vụ kho vận

Hệ thống kho tọa lạc tại thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương hiện đang phục vụ cho dịch vụ xếp dỡ, lưu container cũng như hoạt động cho thuê kho, bãi của Tra-sas.

Công ty đã đầu tư các trang thiết bị hiện đại như xe nâng, hệ thống kiểm tra giám sát container tự động, hệ thống theo dõi hàng tồn kho và cung cấp dữ liệu phục vụ cho việc thống kê và giám sát hàng tồn kho,... cũng như kết hợp sử dụng các phương tiện của bộ phận vận tải để phục vụ tối đa nhu cầu xếp dỡ, vận chuyển, lưu container tại kho.

Ngoài ra, Tra-sas còn cung cấp các dịch vụ gia tăng như: kiểm đếm, cân đo, đóng kiện, đóng gói và dán nhãn, ghép hàng khuyến mại (bundle); dịch vụ vận tải khép kín bằng hệ thống vận tải đường bộ, vận tải đường biển kết nối tất cả các vùng miền trong cả nước.

Các dịch vụ của Công ty luôn linh động và cam kết thực hiện việc giao hàng đúng hạn, mọi lúc, mọi nơi cho khách hàng.



6.1.4. Xuất nhập khẩu thương mại và ủy thác

Thế mạnh của Tra-sas là dịch vụ cung ứng giấy phép nhập khẩu đa ngành nghề trên cơ sở hỗ trợ khách hàng tất cả thủ tục liên quan đến xin giấy phép xuất nhập khẩu, làm việc với đội nhóm trong các bộ phận nhằm đưa ra khuyến nghị về mức lưu giữ hàng tồn kho đạt trạng thái an toàn cao, tạo cơ sở cho việc lập kế hoạch đặt hàng phù hợp, tiết kiệm tối đa chi phí tài chính cho khách hàng.

Ngoài ra, với nguồn tài chính vững mạnh, Tra-sas còn là đơn vị tư vấn, cung cấp tài chính cho khách hàng trong việc thanh toán khi thực hiện các hoạt động kinh doanh này.

Hiện nay, Tra-sas là nhà Nhập khẩu độc quyền cho các nhãn rượu như: Remy Martin, Courvoisier và các sản phẩm tiêu dùng khác: Nokia care , Intel Vietnam Product, Starbuck Vietnam, McDonald..



6.2. Tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty

6.2.1. Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp của các nhóm sản phẩm

❖ Doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Khoản mục	Năm 2013		Năm 2014		%(+/-)
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	
Doanh thu bán hàng hoá	390.433.546	76,16%	297.463.834	63,53%	(23,81)
Doanh thu cung cấp dịch vụ	122.241.970	23,84%	170.778.807	36,47%	39,71
Tổng cộng	512.675.516	100%	468.242.641	100%	(8,67)

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Tra-sas

❖ Lợi nhuận gộp các mảng hoạt động qua các năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Khoản mục	Năm 2013		Năm 2014		%(+/-)
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	
Lợi nhuận gộp bán hàng hoá	11.929.371	2,33%	15.605.420	3,33%	30,82
Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ	37.527.034	7,32%	52.438.986	11,20%	39,74
Tổng cộng	49.456.405	9,65%	68.044.406	14,53%	37,58

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Tra-sas

Tình hình kinh tế trong nước năm 2014 đã có dấu hiệu hồi phục so với năm 2013 nhưng việc kinh doanh của ngành vận tải, giao nhận nói chung và Tra-sas nói riêng vẫn đối mặt nhiều khó khăn. Nguyên nhân xuất phát từ những bất ổn của nền kinh tế như áp lực suy thoái về vốn và

vòng quay của vốn đối với công tác sản xuất và lưu thông, sức mua yếu dẫn, tình trạng giảm phát, khả năng thanh toán của khách hàng giảm dễ dẫn đến nợ xấu. Bên cạnh đó là những nguyên nhân xuất phát từ đặc thù của ngành như sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước, ... đã tạo ra các áp lực lớn lên hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, bằng sự nỗ lực và cố gắng tối đa của Ban Lãnh đạo Công ty và toàn thể cán bộ, công nhân viên, Tra-sas vẫn duy trì được mức tăng trưởng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Đây là một kết quả rất đáng khích lệ của Công ty trong bối cảnh kinh tế vẫn còn khó khăn như hiện nay.

6.2.2. Chi phí sản xuất kinh doanh

Cơ cấu các khoản mục chi phí chủ yếu của Công ty các năm gần đây được thể hiện như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Yếu tố chi phí	Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
01	Giá vốn hàng bán	463.219.111	90,35	400.198.235	85,47
02	Chi phí bán hàng	396.929	0,08	612.705	0,13
03	Chi phí QLDN	30.732.159	5,99	34.401.732	7,35
04	Chi phí tài chính	534.359	0,10	901.119	0,19
Tổng cộng		494.882.558	96,53	436.113.791	93,14

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Tra-sas

Do đặc thù của hoạt động kinh doanh nên chi phí giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi phí hoạt động của Công ty và có xu hướng giảm trong giai đoạn 2013- 2014 vừa qua.

Nhìn chung tỷ lệ giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp so với doanh thu của Công ty khá ổn định qua các năm chứng tỏ Công ty đã chủ động kiểm soát được giá nguyên liệu đầu vào, khống chế các chi phí phát sinh chặt chẽ để đạt được mức lợi nhuận kỳ vọng của mình.

Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được duy trì ở mức phù hợp so với các Công ty trong cùng ngành. Dịch vụ của Công ty với chất lượng tốt và giá cả hợp lý nên tạo được khả năng cạnh tranh cao trên thị trường.

6.3. Hoạt động Marketing

Cùng với công tác quản lý chất lượng, Tra-sas cũng hết sức quan tâm đến hoạt động Marketing để chăm sóc khách hàng truyền thống, tiếp cận và thu hút khách hàng mới, khách hàng tiềm năng bằng uy tín chất lượng dịch vụ của Công ty.

Bên cạnh đó Công ty đã tiến hành xây dựng mới, cải tiến giao diện website của Công ty tại

địa chỉ: www.trasas.com.vn để làm cổng thông tin giao tiếp với khách hàng, cập nhật các thông tin dịch vụ giúp cho khách hàng có thể nắm được các dịch vụ của Công ty, đồng thời giúp Công ty giới thiệu, quảng bá các loại hình dịch vụ của Công ty với các đối tượng khách hàng tiềm năng.

6.4. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty sử dụng Logo đã được đăng ký nhãn hiệu hàng hóa do Cục Sở hữu Trí tuệ, Bộ Khoa học – Công nghệ cấp. Biểu tượng (logo) đồng thời là nhãn hiệu thương mại của Công ty



6.5. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Stt	Tên đối tác	Sản phẩm/Dịch vụ cung cấp	Sản lượng (Tấn)	Giá trị hợp đồng (đồng)	Thời gian thực hiện
1.	Công ty Coca- Cola Vn	Thủ tục HQ, Vận tải quốc tế,..	60,000	60 tỷ/năm	2009 - nay
2.	Công Ty Liên doanh Bristish American Tobacco Vinataba	Thủ tục HQ, Vận tải quốc tế,..	6,000	6 tỷ	2009 - nay
3.	Remy Couintreu VN	IOR, Thủ tục HQ, Vận tải quốc tế,..	300	80 tỷ	2010 - nay
4.	Rượu Maccalan	IOR, Thủ tục HQ, Vận tải quốc tế,..	200	50 tỷ	2014 - nay
5.	MC Donal Việt Nam	IOR, Thủ tục HQ, Vận tải quốc tế,..	200	30 tỷ	2014 - nay
6.	Starbucks Việt Nam	IOR, Thủ tục HQ, Vận tải quốc tế,..	200	40 tỷ	2013 - nay

Ngoài ra, một số khách hàng truyền thống khác của Tra-sas như: Fonterra Brands VN, Beirdorft VN, Trane VN, URC VN , Siemens VN, Baker Hughes, Schlumberger, Zamil steel, NTPM...

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013 và 2014

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2013 và 2014

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% +/-
1.	Tổng giá trị tài sản	279.714.067	209.274.185	(25,18%)
2.	Vốn chủ sở hữu	77.149.308	99.976.731	29,59%
2.	Doanh thu thuần	512.675.516	468.242.641	(8,67%)
4.	Lợi nhuận từ HĐKD	18.481.329	32.943.954	78,26%
5.	Lợi nhuận khác	2.180.841	908.536	(58,34%)
6.	Lợi nhuận trước thuế	20.662.169	33.852.490	63,84%
7.	Lợi nhuận sau thuế	15.497.324	26.118.980	68,54%
8.	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	26,92%	25,42%	-
9.	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	20,09%	29,49%	-
10.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	10.504	12.376	17,82%
11.	Giá trị sổ sách (đồng/CP)	52.293	45.178	(13,61%)

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Tra-sas

Trong bối cảnh kinh tế còn khó khăn, nhưng với lợi thế về kinh nghiệm, mạng lưới và nguồn lực, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tra-sas trong giai đoạn 2013 – 2014 vẫn đạt được những kết quả rất đáng khích lệ với việc thực hiện vượt mức kế hoạch đề ra, tăng trưởng về lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước.

Việc chủ động kiểm soát tốt các chi phí phát sinh cũng góp phần vào sự tăng trưởng mạnh mẽ trong chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty năm 2014. Cụ thể, lợi nhuận trước thuế đạt 33,8 tỷ đồng, tăng 63,84%, lợi nhuận sau thuế đạt 26,1 tỷ đồng, tăng 68,54% so với năm 2013.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 của Công ty đánh dấu sự tăng trưởng ổn định về doanh thu, lợi nhuận cũng như khẳng định được chất lượng dịch vụ của Công ty. Việc hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2014 ghi nhận sự đóng góp to lớn của toàn thể Cán bộ công nhân viên cũng như sự định hướng của Ban điều hành Công ty.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

✚ Thuận lợi:

- Sự nỗ lực đầy quyết tâm của Ban lãnh đạo, sự cố gắng không ngừng cùng với trình độ

chuyên môn cao của toàn thể CBCNV đã mang lại những hiệu quả đáng kể trong sự nghiệp phát triển chung của Công ty và đã đạt được nhiều kết quả khả quan.

- Định hướng và mục tiêu phát triển của Công ty được Ban lãnh đạo vạch ra rõ ràng, phù hợp với sự đổi mới cơ chế quản lý sản xuất kinh doanh và nhu cầu của thị trường hiện nay. Mục tiêu hoạt động của Công ty là đáp ứng thật tốt các hợp đồng dịch vụ đã ký kết thông qua việc Công ty không ngừng đầu tư thiết bị xếp dỡ, vận chuyển đáp ứng kịp thời với sự phát triển chung của xã hội.
- Tình hình đầu tư cơ sở hạ tầng trong nước đã có rất nhiều tiến bộ mang tính đột phá, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư phát triển cảng biển trong đó có các cảng nước sâu với thiết bị và năng suất bốc dỡ ngang tầm khu vực, mở rộng đường nối các cảng với các khu công nghiệp và đô thị, phát triển đường cao tốc, phát triển thêm.
- Hiện nay, vận tải đường biển chiếm hơn 80% tổng nhu cầu vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam. Hội nhập kinh tế quốc tế làm gia tăng lượng hàng hóa trung chuyển qua các cảng biển. Từ đó cũng kéo theo sự phát triển của vận tải đường bộ, và các dịch vụ lưu kho, bãi.
- Sự ổn định về chính trị, môi trường kinh tế vĩ mô ngày càng được hoàn thiện là tiền đề thu hút đầu tư của nước ngoài, từ đó góp phần làm gia tăng lượng hàng hóa xuất nhập khẩu.

✚ Khó khăn:

- Hoạt động của Công ty chịu sự tác động trực tiếp từ những biến động của nền kinh tế trong nước trong giai đoạn 2013 - 2014 nói riêng, đồng thời chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế từ những năm trước để lại.
- Tình hình kinh tế trong nước và thế giới tiếp tục khó khăn ... tác động làm cho thị trường giao nhận vận tải tiếp tục trầm lắng, nhiều mảng dịch vụ suy giảm. Các quy định mới của Nhà nước trong lĩnh vực vận tải, hải quan ... có tác động nhiều chiều với hoạt động giao nhận vận tải, nhất là vận tải container bằng ô tô. Các dịch vụ vận tải quốc tế giảm và mức lãi gộp trên đơn vị dịch vụ giảm nhanh.
- Theo lộ trình, VN cam kết thực hiện tự do hóa dịch vụ logistics trong WTO và hội nhập ASEAN về logistics từ năm 2014. Trong bối cảnh các dịch vụ cơ sở hạ tầng và hạn chế, tình hình cạnh tranh trong ngành ngày càng diễn ra gay gắt, các doanh nghiệp trong nước có nguy cơ ngày càng phụ thuộc hoặc rơi vào tay của các công ty nước ngoài.
- Thị trường giao nhận vận tải cạnh tranh ngày càng cao với sự phát triển ồ ạt về số lượng nhất là có sự liên doanh liên kết của các công ty, tập đoàn nước ngoài. Từ một vài doanh nghiệp giao nhận quốc doanh đầu thập niên 1990, nay đã có hơn 2000 công ty giao nhận trải khắp 3 miền đất nước.
- Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu còn nhiều khó khăn.

- Giá cả nhiên liệu và một số yếu tố đầu vào diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng tới công tác dự báo, lên kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

- Trải qua gần 20 năm hình thành và phát triển, đến nay Công ty đã xây dựng được một chuỗi cung ứng dịch vụ khép kín cho lĩnh vực giao nhận hàng hóa: vận tải thủy, bộ, khai thuê hải quan, kho bãi... So với các đơn vị khác hoạt động cùng lĩnh vực, lợi thế của Tra-sas là có cơ sở vật chất kỹ thuật được trang bị đầy đủ và hiện đại cùng đội ngũ nhân viên có trình độ nghiệp vụ giao nhận chuyên nghiệp, nhiều kinh nghiệm và am hiểu thị trường.
- Có mạng lưới chi nhánh, văn phòng đại diện ở các khu vực và cảng biển quan trọng của Việt Nam (TP. HCM, Hải Phòng).
- Khả năng cạnh tranh cao nhờ quy trình dịch vụ được tổ chức khép kín từ khâu Tiếp nhận – Vận chuyển – Lưu kho bãi – Thu gom hàng hóa. Trong đó, điểm mạnh của Công ty là có hệ thống kho bãi rộng lớn, hệ thống xe đầu kéo vận chuyển chuyên nghiệp, đội ngũ lãnh đạo, nhân viên giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực vận tải, giao nhận vận chuyển hàng hóa.
- Có một bộ máy lãnh đạo có nhiệt huyết và rất nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh kho vận.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Hoạt động kho vận thường bao gồm những thành phần sau:

- Cơ sở hạ tầng: cảng, bến bãi, đường bộ, đường sắt;
- Vận hành: kho bãi, trung tâm phân phối, xe tải, tàu, thuyền;
- Dịch vụ: giao nhận hàng hóa, bốc xếp và hải quan.

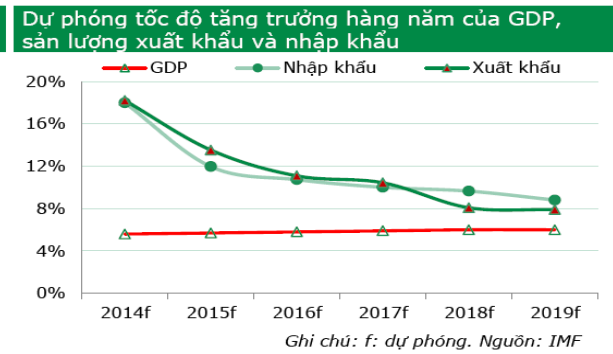
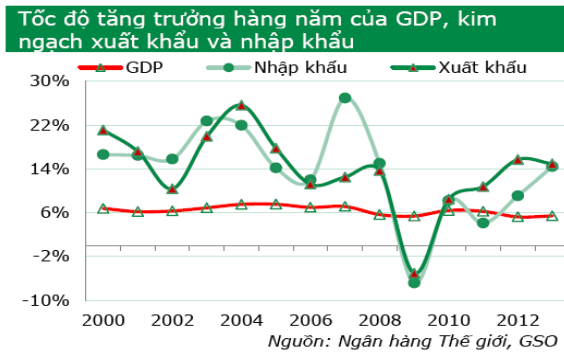
Hoạt động kho vận đóng vai trò quan trọng trong thương mại quốc tế. Khi chi phí kho vận càng thấp và chất lượng dịch vụ càng cao thì giá trị thương mại quốc tế sẽ càng lớn.

Các hoạt động xuất nhập khẩu có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế Việt Nam. Theo dữ liệu của Ngân hàng Thế giới và Tổng Cục Thống kê (GSO), trong năm 2013, giá trị nhập và xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ lần lượt chiếm 77,0% và 77,5% tổng GDP của Việt Nam.

Trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2019, Quỹ Tiền tệ Quốc Tế (IMF) dự báo tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm của Việt Nam đạt từ 5,6% đến 6,0%, trong khi tốc độ tăng trưởng về sản lượng xuất khẩu và nhập khẩu sẽ giảm dần từ mức 18% xuống mức 8% vào năm 2019.

Theo Ngân hàng Thế giới, những ưu thế chính của nền kinh tế Việt Nam trong 20 năm qua là lực lượng lao động tăng trưởng nhanh và sự chuyển đổi hoạt động kinh tế từ nông nghiệp

sang sản xuất năng suất cao và các ngành dịch vụ. Tuy nhiên, những động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển này cần phải được thay thế bằng những nhân tố phát triển nội tại mới. Một trong số đó là sự phát triển của hệ thống kho vận hay năng lực logistics. Rõ ràng, kho vận càng phát triển, chi phí vận chuyển càng thấp thì năng lực cạnh tranh của quốc gia càng được nâng cao.



Theo Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA), ước tính có khoảng hơn 1.200 doanh nghiệp trong ngành kho vận. Tuy nhiên, trừ những công ty quốc doanh, hầu hết các doanh nghiệp đều có quy mô nhỏ với số vốn góp từ 4 đến 6 tỷ đồng. Mặc dù chỉ có khoảng 25 công ty kho vận đa quốc gia đang hoạt động ở Việt Nam (ví dụ: DHL, UPS, FedEx, v.v.) nhưng lại chiếm tới 70% đến 80% thị phần kho vận. Trong khi đó, phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam chỉ đóng vai trò là nhà thầu phụ hay đại lý cho các công ty nước ngoài. Thực trạng cho thấy, tỷ lệ thuê ngoài dịch vụ logistics của các công ty Việt Nam còn khá khiêm tốn ở mức 25% đến 30%, thấp hơn nhiều so với Trung Quốc (63%) và Nhật Bản (40%). Hiện tại, CTCP Đại lý Liên Hiệp Vận Chuyển (GMD-HSX) được xem là doanh nghiệp trong nước lớn nhất với các khách hàng đa quốc gia lớn như Unilever, Fonterra, v.v.

Ngành kho vận ở Việt Nam được kỳ vọng sẽ tăng trưởng với tốc độ CAGR trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2020 đạt 27% với nhu cầu thuê ngoài dịch vụ 3PL tăng lên từ những công ty đa quốc gia đang và sẽ hoạt động ở Việt Nam. Ngành dịch vụ 3PL ở Việt Nam đang phát triển khá nhanh cả về mặt doanh thu lẫn số lượng doanh nghiệp, nhất là ở khu vực phía Nam. Năm 2020, doanh thu từ dịch vụ 3PL kỳ vọng ước đạt 11,8 triệu USD với tốc độ CAGR là 25,8% trong giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2020. Số lượng thành viên 3PL của VLA cũng đã tăng trưởng ấn tượng từ con số bốn trong những năm 1994 đến năm 1997 lên 275 thành viên vào tháng 6 năm 2014.

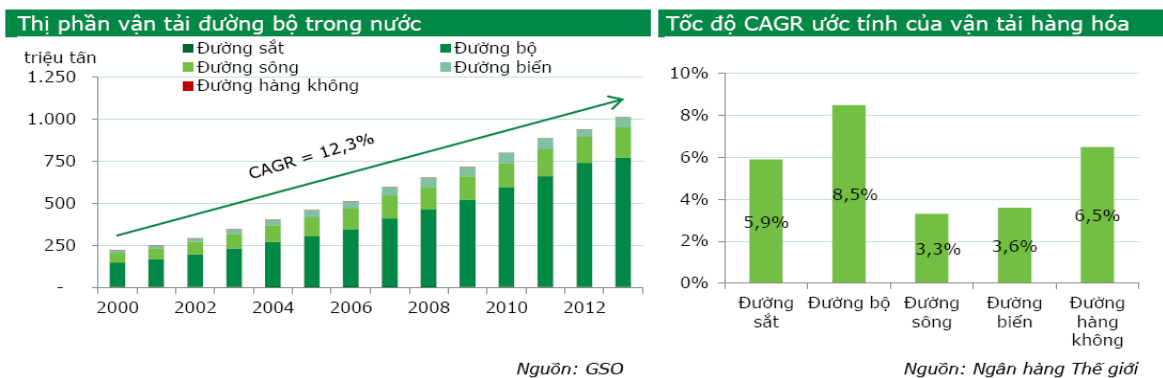
Việt Nam có vị trí khá thuận lợi trong khu vực với cơ sở hạ tầng vận tải đồ sộ. Cụ thể, Việt Nam hiện có tuyến bờ biển dài hơn 3.000 km, nắm giữ vị trí quan trọng trong vận tải hàng hải quốc tế; 49 cảng biển, chia thành sáu nhóm theo vị trí địa lý dọc bờ biển (Cục Hàng hải Việt Nam – VMA, 2013); và 206 nghìn km đường bộ (GSO, 2012).

Tuy nhiên, chất lượng cơ sở hạ tầng vận tải còn ở mức thấp. Việt Nam chỉ đứng thứ 44 về chỉ số LPI cơ sở hạ tầng, thấp hơn rất nhiều so với Malaysia (thứ 26), Trung Quốc (thứ 23) và Thái Lan (thứ 30).

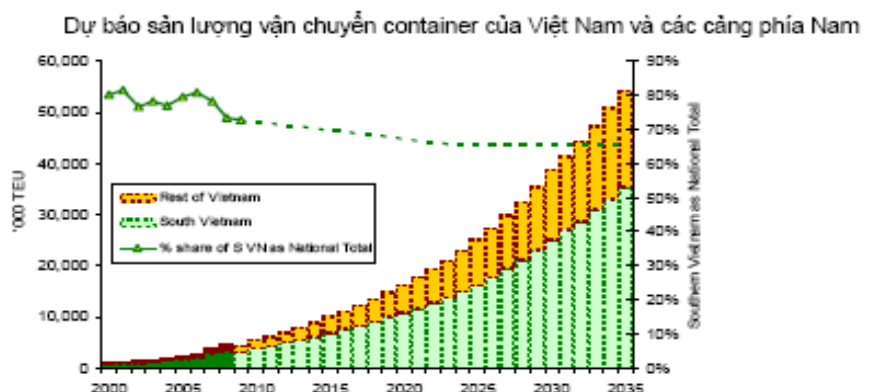
Trên cơ sở tấn chuyên chở, thị trường vận tải hàng hóa Việt Nam chủ yếu chi phối bởi hai phương thức: đường bộ và vận tải thủy nội địa (IWT). Từ năm 2000 đến năm 2013, tốc độ CAGR của khối lượng hàng hóa toàn thị trường đạt 12,3%. Trong đó, ngành đường bộ chiếm tỷ trọng cao nhất (75,7%), theo sau là IWT (17,9%) và đường biển (5,8%).

Ngoài ra, theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ban hành ngày 4 tháng 3 năm 2014, đã phê chuẩn Chiến lược phát triển dịch vụ vận tải đến năm 2020 với định hướng đến năm 2030. Chiến lược này lạc quan hơn dự báo của Ngân hàng Thế giới, và có những điểm chính sau:

- ✓ Khối lượng luân chuyển hàng hóa đặt mục tiêu đạt 1.300 tỷ tấn/km (2,2 tỷ tấn) vào năm 2020 với tốc độ CAGR đạt 9,1% trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2020; 2,500 tỷ tấn/km (4,3 tỷ tấn hàng hóa) vào năm 2030 với tốc độ CAGR đạt 6,7% từ 2021 đến 2030.
- ✓ Ngành đường bộ sẽ chiếm lĩnh thị phần vận tải (57,8%), theo sau là đường biển (22,2%), IWT (15,5%), đường sắt (4,5%) và hàng không (0,08%).



Với đặc thù kinh tế Việt Nam với các mặt hàng xuất khẩu phục vụ đời sống thiết yếu như gạo, hàng dệt may, thủy sản tuy có bị thu hẹp nhưng khó suy giảm mạnh, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế dần hồi phục. Ngoài ra khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc- ASEAN và Úc, New Zealand – ASEAN chính thức hoạt động trong năm 2010 sẽ mở ra cơ hội giao thương hàng hóa, làm tăng nhu cầu vận tải giữa các nước, gia tăng việc sử dụng các dịch vụ logistics, kho bãi và các dịch vụ cảng. Theo thống kê từ năm 2000



đến nay, tốc độ tăng trưởng sản lượng vận chuyển container của Việt Nam có tương đối bằng sự tăng trưởng các hoạt động ngoại thương, do đó với kỳ vọng gia tăng hoạt động thương mại như đã nêu sẽ là cơ sở cho dự báo tăng trưởng sản lượng vận chuyển container của Việt Nam trong các năm tới khi kinh tế thật sự phục hồi và tăng trưởng.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Yếu tố	31/12/2014	Cơ cấu
Số lượng cán bộ công nhân viên (người)	108	100%
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.950.000	
Phân theo trình độ chuyên môn		
+ Cao học:	3	2,78%
+ Đại học:	65	60,19%
+ Cao đẳng, trung cấp:	20	18,52%
+ Công nhân nghề và Lao động phổ thông:	20	18,52%

Nguồn: Tra-sas

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Chính sách nhân sự chung

Tất cả CBCNV của công ty đều được ký hợp đồng lao động, được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành, được xét lên lương khi đến kỳ hạn và các chế độ khác theo quy định.

Chính sách tiền lương:

Trên cơ sở nhận thức con người là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Do đó, muốn giữ được con người nhất là công nhân kỹ thuật có tay nghề cao thì cần có chính sách đãi ngộ mà cụ thể là chính sách tiền lương phải tốt. Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, công ty đã xây dựng quy chế trả lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm.

Chính sách thưởng:

Hàng năm, Công ty tiến hành đánh giá, bình bầu thi đua xếp loại lao động A, B, C và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng 13. Ngoài ra, còn có chính sách khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc từ nguồn quỹ khen thưởng của Công ty được trích từ lợi nhuận.

Chương trình đào tạo:

Chính sách tuyển dụng, đào tạo, tuyển dụng: công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao. Tùy theo yêu cầu công việc, Công ty ban hành quy chế tuyển

dụng cụ thể cho từng bộ phận, phòng ban. Tiêu chí tuyển dụng của Công ty là tuyển dụng các nhân sự có trình độ chuyên môn cao, năng động và tốt nghiệp từ các trường Đại học trong và ngoài nước.

Công tác đào tạo và nâng cao tay nghề: Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho nhân viên cũng như bộ phận quản lý, văn phòng. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ đài thọ toàn bộ chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về các chương trình quản lý kiểm soát chất lượng theo các tiêu chuẩn mà Công ty đã đạt như ISO...

Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:

Bên cạnh, việc bảo đảm các chính sách theo Luật Lao động và thỏa ước lao động tập thể, hàng năm Công ty còn tổ chức cho đại đa số công nhân, nhân viên đi tham quan nghỉ dưỡng, nhằm tạo môi trường sinh hoạt tập thể để người lao động gần gũi nhau hơn, đem lại không khí đoàn kết để làm việc; tổ chức cho một số cán bộ kỹ thuật, cán bộ kinh tế và công nhân ưu tú đi tham quan học tập ở nước ngoài để mở mang kiến thức. Công ty và Công đoàn cơ sở thực hiện các chế độ trợ cấp khó khăn, thăm hỏi khi người lao động bị ốm đau, hiếu hỷ.

Công ty thực hiện trả đủ công, thưởng năng suất... giúp tạo ra động lực làm việc và tăng thu nhập cho công nhân.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ sở hữu vốn góp.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.

Như vậy, Công ty sẽ tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của từng năm.

Năm	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	Hình thức
2013	30%	Tiền mặt
2014	20%	Tiền mặt

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	08 năm
Máy móc thiết bị	03 - 05 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

11.1.2. Mức lương bình quân

Hiện nay, bình quân thu nhập hàng tháng của người lao động của Công ty là 8.950.000đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập trung bình so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay. Hiện nay Công ty không có nợ quá hạn.

11.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản phải nộp ngân sách tại ngày 31/12/2013 và 31/12/2014 như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	586.143	-
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.566.727	84.047
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.755.903	280.156
4	Thuế xuất, nhập khẩu	2.994.568	(100.058)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.408.596	1.101.804
6	Thuế thu nhập cá nhân	99.772	69.676
7	Các loại thuế khác	-	-
	TỔNG CỘNG	11.411.709	1.435.625

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Tra-sas

11.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là Công ty cổ phần và theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Hàng năm lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập Quỹ dự phòng tài chính theo quy định của Điều lệ Công ty và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Số dư các quỹ cuối năm 2013 và 2014 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	CHỈ TIÊU	31/12/2013	31/12/2014
1	Quỹ dự phòng tài chính	1.163.998	1.938.847
2	Quỹ đầu tư phát triển	5.178.901	6.728.601
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.388.943	5.323.092
4	Lợi nhuận chưa phân phối	56.053.239	69.179.523
	TỔNG CỘNG	65.785.081	83.170.063

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Tra-sas

11.1.6. Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty không có nợ vay dài hạn. Tình hình nợ vay ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
Vay Ngân hàng (*)	8.585.551	4.574.500
Vay cá nhân	-	-
Cộng	8.585.551	4.574.500

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Tra-sas

*Là khoản vay NHTM cổ phần Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Tp.HCM dùng để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và phát hành thư tín dụng trong thanh toán. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và các tài sản cố định hữu hình khác.

11.1.7. Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	189.669.675	92.494.628
1	Phải thu khách hàng	158.071.850	72.273.148

Stt	Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014
2	Trả trước cho người bán	18.427.722	9.868.210
5	Các khoản phải thu khác	14.005.974	10.567.953
6	Dự phòng phải thu khó đòi	(835.871)	(214.682)
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Tra-sas

- Các khoản phải trả

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014
I	Nợ ngắn hạn	202.564.759	109.270.453
1	Vay và nợ ngắn hạn	8.585.551	4.574.500
2	Phải trả người bán	155.336.264	67.941.962
3	Người mua trả tiền trước	9.952.855	16.750.163
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	11.411.709	1.535.683
5	Phải trả người lao động	962.936	1.344.790
6	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12.926.500	11.800.262
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.388.943	5.323.092
II	Nợ dài hạn	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Tra-sas

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,22	1,45
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	1,06	1,22
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	72,42	52,22
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	262,56	109,29
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân	Vòng	14,88	13,83

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,83	1,92
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	3,02	5,58
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	20,09	29,49
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	5,54	10,68
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	3,60	7,04

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Tra-sas

12. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)

Giá trị tài sản cố định của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2014

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)
I.	TSCĐ hữu hình	39.753.540	27.418.197	68,97%
1.	Nhà cửa vật kiến trúc	12.522.184	8.730.766	69,72%
2.	Máy móc thiết bị	154.000	94.906	61,63%
4.	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	26.671.337	18.431.188	69,10%
5.	Thiết bị, dụng cụ quản lý	406.018	161.338	39,74%
II.	TSCĐ vô hình	11.756.358	10.758.968	91,51%
III	Chi phí xây dựng CBDD	11.800.000	11.800.000	100,00%
	Tổng cộng	63.309.898	49.977.165	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Tra-sas

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

13.1 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2015 và năm 2016

Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của Tra-sas đối với ngành kinh doanh, lợi thế cạnh tranh của Công ty và tiềm năng phát triển thị trường, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty các năm 2015 – 2016, cụ thể như sau:

Đvt: Ngàn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016	
	Kế hoạch	% (+/-) so với năm 2014	Kế hoạch	% (+/-) so với năm 2015
Vốn điều lệ	22.129.760	0,00%	22.129.760	0,00%
Doanh thu thuần	478.000.000	2,08%	490.000.000	2,51%

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016	
	Kế hoạch	% (+/-) so với năm 2014	Kế hoạch	% (+/-) so với năm 2015
Lợi nhuận sau thuế	18.000.000	-31,08%	20.000.000	11,11%
Tỷ lệ LNST/doanh thu	3,77%	-	4,08%	-
Tỷ lệ LNST/VĐL	81,34%	-	90,38%	-
Tỷ lệ cổ tức/năm	18% - 20%	-	18% - 20%	-

Nguồn: Tra-sas

Với nhận định tình hình kinh tế năm 2015 chưa có nhiều diễn tiến thuận lợi, giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào biến động phức tạp, bên cạnh đó là những khó khăn từ nội tại của ngành như tình trạng thiếu tài xế lái xe có bằng FC trong khi Bộ Giao thông vận tải tiếp tục siết chặt kiểm soát tải trọng xe trên toàn quốc. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị Trarasas xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2015 trên cơ sở thận trọng với mức doanh thu và lợi nhuận dự kiến là 478 tỷ đồng và 18 tỷ đồng. Dù tổng doanh thu thuần có sự tăng trưởng so với năm 2014 nhưng do doanh thu từ mảng đem lại lợi nhuận chính cho Trarasas là cung cấp dịch vụ dự kiến giảm nên lợi nhuận cũng giảm so với năm trước. Ngoài ra, trong năm Công ty tăng cường thực hiện đầu tư mua sắm và mở rộng hệ thống kho nên làm chi phí hoạt động tăng, dự kiến làm lợi nhuận sau thuế sụt giảm.

13.2 Cơ sở thực hiện kế hoạch

❖ Kế hoạch đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh

- Đầu tư mua sắm bổ sung 08 phương tiện vận tải đường bộ gồm đầu kéo & rơ moóc: Kinh phí 15 tỷ đồng;
- Đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi (rộng 6.000 m²) tại Thủ Đức để bổ sung năng lực hoạt động kho vận của Trarasas.

❖ Công tác quản lý công ty

- Tăng cường giám sát và triển khai thực hiện việc quản lý Công ty theo quy định tại Điều lệ sửa đổi và các Quy chế quản lý nội bộ đã ban hành;
- Tập trung thực hiện các dịch vụ logistics nội địa, vận chuyển hàng quá cảnh theo yêu cầu của khách hàng trên cơ sở phương tiện hiện có và đầu tư bổ sung;
- Tập trung mạnh vào các thị trường xuất nhập khẩu truyền thống có mức tăng ổn định, cước phí cạnh tranh và khai thác được thế mạnh của Tra-sas trong quan hệ với các hãng hàng không phù hợp với các thị trường này;

- Chú trọng đến chất lượng dịch vụ và đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao nhất, giảm thiểu những sai sót nghiệp vụ;
- Hợp lý hóa các chi phí để tăng hiệu quả kinh doanh, tiết kiệm các chi phí văn phòng, quản lý chặt chẽ các khoản chi phí làm hàng, chi phí thuê dịch vụ ngoài;
- Duy trì nhân sự hợp lý, tinh gọn đối với nhân viên hiện trường và nhân viên nghiệp vụ trong văn phòng, thu hút nhân viên bán hàng có chất lượng bằng chính sách thu nhập và khen thưởng phù hợp..

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện được của công ty đại chúng

Không có

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Với mục tiêu trở thành một trong những công ty hàng đầu Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ hậu cần của chuỗi cung ứng. Trong những năm tới, TRA-SAS sẽ đẩy mạnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tăng cường tìm kiếm đối tác, khách hàng, mở rộng thị trường, song song với việc củng cố và duy trì mối quan hệ hợp tác với các đại lý và khách hàng đã có. Bên cạnh đó, Công ty ngày càng nâng cao năng lực quản lý, kiện toàn tổ chức theo hướng chuyên môn hóa.

Trong những năm qua, Công ty đã mạnh dạn đầu tư cơ sở vật chất mới, hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, khai thác kho bãi và xây dựng đội ngũ lao động... Công ty có một bộ máy năng động luôn hướng vào hoàn thiện các dịch vụ giao nhận, luôn giữ vững quy mô phát triển, ổn định tài chính, mở rộng quan hệ với nhiều đối tác khách hàng, các hãng vận chuyển, các nhà giao nhận trong và ngoài nước, đến nay Công ty đã là một doanh nghiệp được khách hàng tín nhiệm trong lĩnh vực: vận tải thủy, bộ, dịch vụ kho bãi, và giao nhận hàng hóa.

Công ty xây dựng định hướng phát triển đa ngành nghề trong đó mũi nhọn là hoạt động xuất nhập khẩu thương mại, vận tải hàng hóa để phù hợp với tình hình, đặc điểm của một nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam cũng như hướng phát triển của ngành giao nhận, vận tải nói chung.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có.

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY**1. Hội đồng quản trị**

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch HĐQT điều hành
2	Ông Trần Việt Huy	Thành viên HĐQT không điều hành
3	Ông Đỗ Văn Mười	Thành viên HĐQT điều hành

2.1 Ông Nguyễn Văn Quý - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN QUÝ**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 23/12/1965
 Nơi sinh: Ninh Bình
 CMND: 024506135
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 64/14 Cù Lao, Phường 2, Phú Nhuận, TPHCM.
 Số ĐT liên lạc: 0903708128
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế vận tải

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 1993 – 1996	Công ty Vitranschart
+ 1996 – 1998	Giám đốc Trung tâm Giao nhận Xí Nghiệp TRA-SAS
+ 1998 – 2006	Giám đốc Xí Nghiệp-TRA-SAS
+ 2006 - nay:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Vận tải và Dịch vụ Hàng hải;

Chức vụ công tác tại Công ty: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
 Số CP nắm giữ (thời điểm 18/05/2015): 812.082 cổ phiếu, chiếm 36,69% Vốn điều lệ.
 + Đại diện sở hữu: (Đại diện vốn Nhà nước Tracimexco) 408.398 cổ phiếu, chiếm 18,45 % Vốn điều lệ (
 + Cá nhân sở hữu: 403.684 cổ phiếu, chiếm 18,24% Vốn điều lệ.
 Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

2.2 Ông Trần Việt Huy – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **TRẦN VIỆT HUY**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 10/06/1972
 Nơi sinh: Nam Hà
 CMND: 022609919 cấp ngày 10/01/2014, tại CA.TPHCM
 Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Nhà D6 số 552-558 CMT8, F11, Quận 3, TPHCM
 Số ĐT liên lạc: 08 39250222
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Đại học	Điện tàu thủy	Đại Học Hàng Hải
Đại Học	Quản lý Doanh Nghiệp	ĐH Thương Mại Hà Nội
Cao Học	Quản trị Kinh Doanh	Maastritch School of Management, The Netherland

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ Từ 1995-1996	Nhân viên dự án - Phili Orient Lines
+ Từ 1996-1998	Trưởng Phòng - Phan Vũ Logistics
+ Từ 1998-2005	Trưởng phòng, phó Giám đốc Xí nghiệp TRA-SAS
+ Từ 2005 – nay	Giám đốc Điều hành, thành viên HĐQTCTCP Vận tải và Dịch vụ Hàng hải;

Chức vụ công tác tại Công ty: Giám đốc Điều hành, thành viên HĐQT
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
 Số CP nắm giữ (thời điểm 18/05/2015): 404.191 cổ phiếu, chiếm 18,26% Vốn điều lệ.
 Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

2.3 Ông Đỗ Văn Mười – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **ĐỖ VĂN MƯỜI**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 08/08/1972
 Nơi sinh: Tây Ninh
 CMND: 023853079 cấp ngày 11/11/2011 tại CA.TP.HCM
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 24/7 Phùng văn Cung, Phường 7, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Số ĐT liên lạc: 08 39250222

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính và Quản trị kinh doanh

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Cử nhân kinh tế.	Tài chính kế toán	Đại học TCKT TPHCM
Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	UBI- Vương Quốc Bỉ.

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ 1995-1997	Financial controller - Rohlig Australia PTY Ltd.
+ Từ 1997-2005	Kế toán trưởng Xí nghiệp TRA-SAS
+ Từ 2006-nay	Giám đốc Tài chính, thành viên HĐQTCTCP Vận tải và Dịch vụ Hàng hải;

Chức vụ công tác tại Công ty: Giám đốc Tài chính, thành viên HĐQT

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ (thời điểm 18/05/2015): 402.763 cổ phiếu, chiếm 18,20% Vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người
có liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

2. Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Bùi Khắc Chung	Trưởng BKS
2	Bà Đào Ngọc Trang	Thành viên BKS
3	Ông Hồ Trọng Bình	Thành viên BKS

3.1 Ông Bùi Khắc Chung – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: **BÙI KHẮC CHUNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 12/03/1963

Nơi sinh: Phú Thọ

CMND: 023141838 cấp ngày 09/10/2008 tại CA. TP.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 662/101 Bùi Đình Túy, P.12, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

Số ĐT liên lạc: 08 3925 0222

Trình độ chuyên môn: Kỹ thuật đóng tàu

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ Từ 1988 – 1991	Hợp tác lao động tại nước Đức;
+ Từ 1991 – 1996	Công tác tại Công ty Tracimexco
+ Từ 1996 – 2005	Phó phòng TCKT Xí nghiệp TRA-SAS
+ Từ 2006-nay	Phó phòng TCKT, Trưởng Ban kiểm soát CTCP Vận tải và Dịch Hàng Hải;

Chức vụ công tác tại Công ty: Phó phòng TCKT, Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ (thời điểm 18/05/2015): 75.059 cổ phiếu, chiếm 3,39% Vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

3.2 Bà Đào Ngọc Trang – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **ĐÀO NGỌC TRANG**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 15/07/1977

Nơi sinh: Long An

CMND: 022973433 cấp ngày 09/10/2012 tại CA. TP.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 499/44/6C Quang Trung, P.10, Q.Gò Vấp, TP.HCM

Số ĐT liên lạc: 08 3925 0222

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ Từ 2000 – 2001	Kế toán Công ty TNHH Đại Hưng
+ Từ 2002 – 2005	Kế toán Xí nghiệp TRA-SAS

+ Từ 2006-nay	Phó phòng TCKT, thành viên BKS CTCP Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải
---------------	---

Chức vụ công tác tại Công ty: Phó phòng TCKT, Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ (thời điểm 18/05/2015): 27.070 cổ phiếu, chiếm 1,22% Vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

3.3 Ông Hồ Trọng Bình– Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **HỒ TRỌNG BÌNH**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 14/08/1973

Nơi sinh: Hà Nội

CMND: 022541810 cấp ngày 28/02/2007 tại CA. TP.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 76 Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

Số ĐT liên lạc: 08 3925 0222

Trình độ chuyên môn: Quản trị Du lịch và Ngoại thương

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ Từ 1996 – 1997:	Nhân viên Xí nghiệp TRA-SAS
+ Từ 1997 – 1999:	Trung đội trưởng NVQS – Quận đội 1
+ Từ 2000 – 2004:	Nhân viên Công ty Viefracht
+ Từ 2005 – nay:	Trưởng phòng dự án, TV BKS CTCP Vận tải và Dịch vụ Hàng hải

Chức vụ công tác tại Công ty: Trưởng phòng dự án, Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ (thời điểm 18/05/2015): 28.602 cổ phiếu, chiếm 1,29% Vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

3. Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

STT	Họ tên	Chức vụ
Ban điều hành		
1	Ông Nguyễn Văn Quý	Tổng giám đốc (<i>Xem Mục HĐQT</i>)
2	Ông Đỗ Văn Mười	Giám đốc tài chính (<i>Xem Mục HĐQT</i>)
3	Ông Nguyễn Văn Hà	Giám đốc nghiệp vụ

3.1 Ông Nguyễn Văn Hà – Giám đốc nghiệp vụ

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN HÀ**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 07/11/1970

Nơi sinh: Tiên Sơn, Hà Bắc

CMND: 024370701

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 20/07 Khu phố 2, P.Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức, TP.HCM

Số ĐT liên lạc: 08 3925 0222

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ Từ 1995 – 2000:	Nhân viên Công ty gạch men Tacera
+ Từ 2000 – 2008:	Phó phòng kinh doanh XN Vận tải và dịch vụ Hàng hải
+ Từ 2008 – nay:	Giám đốc nghiệp vụ CTCP Vận tải và dịch vụ Hàng hải

Chức vụ công tác tại Công ty: Giám đốc nghiệp vụ

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ (thời điểm 18/05/2015): 25.537 cổ phiếu, chiếm 1,15% Vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Sau khi chính thức trở thành Công ty đại chúng, ngày 26/07/2015, Traras đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 để thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động Công ty theo Điều lệ mẫu dành cho Công ty đại chúng và Luật doanh nghiệp 2014 nhằm tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc tổ chức hoạt động của Công ty và các quy định hiện hành.

Bên cạnh đó, Công ty đã ban hành các quy chế nhằm củng cố và tăng cường quản trị Công ty như Quy chế quản lý tài chính, quy chế quản trị công ty. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ tiếp tục thực hiện việccơ cấu tổ chức và ban hành các quy chế khác để tuân thủ quản trị công ty đại chúng theo quy định của pháp luật.

Đối với hoạt động công bố thông tin sau khi trở thành công ty đại chúng, Hội đồng quản trị sẽ ban hành Quy trình công bố thông tin nhằm đảm bảo công bố kịp thời các thông tin định kỳ hoặc bất thường theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán.

Ngoài ra, hiện nay Ban Kiểm soát của Traras có 2 thành viên đang công tác tại Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty, đồng thời các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đều tham gia điều hành. Điều này là chưa phù hợp theo quy định hiện hành về quản trị công ty áp dụng cho Công ty đại chúng được ban hành theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012. Traras cam kết bầu sẽ tiến hành bầu lại các thành viên Ban kiểm soáttrong lần Đại hội đồng cổ đông gần nhất của Công ty để đảm bảo tuân thủ theo các quy định pháp luật.

IV. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- 2. Phụ lục II:** BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN QUÝ

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC 



NGUYỄN HIẾU